

Số: /GPMT-UBND Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 437/TTr-STNMT ngày 13 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần nhựa Tiến Đức; địa chỉ văn phòng: Khu công nghiệp Bờ trái Sông Đà thuộc phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: “Nhà máy sản xuất bao bì, bao bì tự hủy Tiến Đức” tại Khu công nghiệp Bờ trái Sông Đà, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất bao bì, bao bì tự hủy Tiến Đức”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Bờ trái Sông Đà thuộc phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 4127224572 Đăng ký lần đầu ngày 12/8/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 17/5/2023 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình cấp.

1.4. Mã số thuế: 0106274459.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất bao bì, bao bì tự hủy bằng nhựa như cốc nhựa, túi xốp, thìa nhựa, hộp nhựa vi sóng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở.

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án 9.900m².

- Quy mô của cơ sở: Dự án nhóm B - phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Dự án thuộc nhóm II - theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất:

Sản phẩm của dự án dự kiến bao gồm: sản phẩm cốc 300ml, 400ml, 500ml; túi xốp và thìa tự hủy với công suất dự kiến như sau:

STT	Tên sản phẩm	Công suất
1	Sản phẩm cốc 300ml	90 tấn – 100 tấn/tháng = 1.200 tấn/năm
2	Sản phẩm cốc 400ml	90 tấn – 100 tấn/tháng = 1.200 tấn/năm
3	Sản phẩm cốc 500ml	90 tấn – 100 tấn/tháng = 1.200 tấn/năm
4	Túi xốp	300 tấn – 400 tấn/tháng = 4.800 tấn/năm
5	Thìa tự hủy	30 tấn – 40 tấn/tháng = 480 tấn/năm
6	Sản phẩm hộp nhựa vi sóng	30 tấn – 40 tấn/tháng = 480 tấn/năm
Tổng		9.360 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần nhựa Tiến Đức:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần nhựa Tiến Đức có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: “Nhà máy sản xuất bao bì, bao bì tự hủy Tiên Đức” của Công ty cổ phần nhựa Tiên Đức được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN, XD, CT;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty cổ phần nhựa Tiên Đức;
- (Trung tâm phục vụ HCC tỉnh trả kết quả);
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: / GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà ăn với lưu lượng thải 02 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Có 01 dòng thải bao gồm 01 nguồn: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà ăn.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại ống dẫn nước thải ra rãnh thoát nước dọc đường QH1 (G2) của KCN Bờ trái Sông Đà thuộc phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý được đưa ra rãnh thoát nước chung dọc đường QH1 (G2) của KCN Bờ trái Sông Đà thuộc phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2304081; Y = 430085 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰ múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm tự động.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A với K = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Bảng 1. Giới hạn cho phép của nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9		

2	BOD ₅	mg/l	36	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
3	TSS	mg/l	60		
4	TDS	mg/l	600		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	PO ₄ ³⁻ _P	mg/l	7,2		
11	Coliform	MPN/ 100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ bởi bể tách mỡ và nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 10m³) → rãnh thoát nước chung dọc đường QH1 (G2) của KCN Bờ trái Sông Đà thuộc phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại: 02 bể tự hoại. 01 bể xây gần khu vực gần văn phòng và 01 bể xây ngầm khu vực nhà xưởng. Kích thước bể như sau:

- Bể tự hoại khu vực nhà xưởng thể tích 6m³; kích thước lòng bể phốt là: BxLxH=2,05x2,05x1,45(m); Chi tiết các ngăn như sau:

+ Ngăn 01: BxLxH= 0,975x2,05x1,45(m).

+ Ngăn 02: BxLxH=0,975x0,975x1,45(m).

+ Ngăn 03: BxLxH=0,975x0,975x1,45(m).

- Bể tự hoại khu vực nhà xưởng thể tích 3,2m³: BxLxH=1,36x1,95x1,23(m)

+ Ngăn lắng: BxLxH=1,36x1,15x1,23(m).

+ Ngăn lọc: BxLxH=1,36x0,8x1,23 (m).

- Bể tách mỡ 3 ngăn: BxLxH=1,9x4,4x1,580(m).

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 10m³/ngày đêm

Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

Bảng 2. Hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

	Tên hạng mục	Thông số	Số lượng
-	Bể gom, điều hòa	Thể tích 8 m ³ (Kích thước: 2,56mx2,0mx1,5m)	01
-	Bể Anoxic-bể thiếu khí	Thể tích: 4 m ³ (2,56mx1mx1,5m)	01
-	Bể SBR-Bể hiếu khí 01	Thể tích: 5,25 m ³ (2,56mx1,34mx1,5m)	01
-	Bể SBR-Bể hiếu khí 02	Thể tích: 5,25 m ³ (2,56mx1,34mx1,5m)	01
-	Bể khử trùng	Thể tích: 1 m ³ (1mx1mx1m)	01
-	Bơm nước thải	Thông số: Lưu lượng 4m ³ /h; H=3mH ₂ O; Công suất: 0,4kW	02
-	Thiết bị cấp khí	Thông số: Lưu lượng 4m ³ /h; Công suất: 0,4kW	02
-	Bơm bùn tuần hoàn và bùn thải	Thông số: Lưu lượng 2m ³ /h; H=3mH ₂ O; Công suất: 0,2kW	02
-	Thiết bị thu nước trong	Thông số: Lưu lượng 3m ³ /h	01

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với bể tự hoại:

+ Bổ sung men vi sinh định kỳ 03 tháng/lần.

- Đối với bể tách dầu mỡ:

+ Vệ sinh rác tại song chắn rác, loại bỏ rác tại ngăn tách dầu mỡ. Định kỳ vệ sinh song chắn rác 02 tuần/lần.

+ Định kỳ vớt dầu mỡ 02 ngày/lần.

- Đối với trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ;

+ Sự cố đối với máy bơm: Rửa sét máy bơm, bơm nước không lên - Kiểm tra, vệ sinh bơm nước định kỳ.

+ Đường ống dẫn nước bị tắc nghẽn do rác: Vệ sinh song rác tại khu vực song chắn rác.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trong thời gian 75 ngày ngay sau khi nhận được Giấy phép.

Thực hiện lấy mẫu khi hệ thống xử lý nước thải giai đoạn vận hành ổn định. Chi tiết như sau:

- Vị trí lấy mẫu quan trắc: nước thải tại bể điều hòa của hệ thống xử lý và nước thải sau khi đã được xử lý.

- Chi tiêu phân tích: pH; BOD₅; TSS; tổng chất rắn hòa tan; NO₃⁻; PO₄³⁻; NH₄⁺; Sunfua; dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Kiểu loại lấy mẫu: Mẫu đơn

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNTM, cột A.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy sản xuất bao bì, bao bì tự hủy Tiến Đức, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty cổ phần nhựa Tiến Đức chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: / GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn do các thiết bị làm việc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực nhà máy

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Bảng 3. Giới hạn cho phép của tiếng ồn

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)		
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Bảng 4. Giới hạn cho phép của độ rung

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB			
	Từ 6h-21h	Từ 21h-6h		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn do giao thông:

+ Không nổ máy xe khi nhập nguyên liệu và giao hàng.

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ; khi phương tiện ra vào Công ty phải hạn chế bóp còi.

+ Cán bộ, công nhân viên không đi xe máy trong khu vực khuôn viên Công ty. Dừng xe, tắt máy và dắt bộ khi ra, vào nhà gửi xe.

+ Trồng cây xanh để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Đối với tiếng ồn do hoạt động của máy móc, thiết bị:

+ Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc để giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung.

+ Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao,...

+ Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

+ Nhà xưởng được lắp đặt hệ thống thông gió bằng các quạt hút công suất lớn ở trên tường gần mái nhằm tạo không khí thoáng mát, thuận lợi cho hoạt động sản xuất của công nhân.

+ Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Bố trí lao động với thời gian lao động hợp lý nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn; Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: / GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại của dự án

TT	Tên chất thải		Trạng thái tồn tại	Số lượng kg/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	40
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	40
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	10
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	15
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	25
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác	18 02 02	Rắn	120
Tổng				250

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh từ hoạt động của nhà máy khối lượng khoảng 90kg/ngày, bao gồm: Giấy vụn, bìa carton, bavia thừa từ công đoạn cắt tạo hình; tấm nhựa lỗi, hỏng thừa; sản phẩm túi, cốc, lỗi, hỏng,....

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilông, giấy vụn, bao gói thức ăn thừa có khối lượng khoảng 20 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy 100 lít.

2.1.2. Khu vực chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 12m², kích thước: Dài×rộng 03m×04m.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Tường xây bao quanh, nền tráng xi măng và cao hơn cao trình mặt bằng của dự án +0,3 m, có mái lợp tôn chống mưa nắng. Bên ngoài có biển cảnh báo và bình cứu hỏa, có trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng nắp đậy kín, có dán mã chất thải tương ứng và biển cảnh báo chất thải nguy hại; có bình chữa cháy cầm tay; có cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ chất thải nguy hại.

+ Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 10 thùng chứa loại 10 lít và 20 lít bố trí tại khu vực văn phòng, nhà bảo vệ và nhà vệ sinh, 10 thùng chứa rác loại 40 lít bố trí tại khu vực xưởng sản xuất đảm bảo phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Khu lưu giữ chất thải sản xuất có diện tích 25,6m² sẽ lưu giữ toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy sau khi được phân loại, thu gom và tập kết. Chất thải lưu giữ trong kho sẽ được sắp xếp gọn gàng, khoa học và hợp lý đảm bảo cho quá trình lưu giữ được hiệu quả và thuận tiện khi bốc xếp mang đi xử lý.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: / GPMT-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất có ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.
